

NGÂN HÀNG TNHH INDOVINA

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2008**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23
CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	24 - 28

Số. 223 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng TNHH Indovina

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng TNHH Indovina (gọi tắt là “Ngân hàng”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Điều hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Điều hành tại trang 1, Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.


Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành nhằm đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính theo luật định từ trang 3 đến trang 23 kèm theo. Các thông tin bổ sung trình bày tại trang từ 24 đến 28 không phải là một phần bắt buộc của báo cáo tài chính. Việc đưa ra các thông tin bổ sung này là trách nhiệm của Ban Điều hành. Những thông tin như vậy không liên quan đến các thủ tục kiểm toán được áp dụng cho cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và vì vậy chúng tôi không đưa ra bất kỳ ý kiến gì về các thông tin này.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 9 tháng 1 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02/TCTD
Đơn vị: USD

	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
		<u>USD</u>	<u>USD</u>
<u>Tài sản</u>			
Tiền mặt và chứng từ có giá	4	8.951.216	6.903.982
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	78.931.021	52.139.985
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6	67.791.728	111.116.467
Chứng khoán kinh doanh	7	3.144.818	5.053.087
Cho vay khách hàng		376.267.625	345.389.631
<i>Cho vay khách hàng</i>	8	379.025.472	347.235.136
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>		(2.757.847)	(1.845.505)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9	6.813.247	9.738.023
Tài sản cố định hữu hình	10	5.261.281	5.311.457
Tài sản cố định vô hình	11	1.333.632	1.471.521
Tài sản khác		4.473.205	2.679.935
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	12	670.136	124.838
<i>Các khoản phải thu khác và chi phí trả trước</i>	13	1.469.100	483.313
<i>Các khoản lãi cộng dồn dự thu</i>		2.609.619	2.347.434
<i>Các khoản dự phòng khác</i>		(275.650)	(275.650)
Tổng cộng tài sản		<u>552.967.773</u>	<u>539.804.088</u>
<u>Nguồn vốn</u>			
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14	-	930.868
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	15	7.199.091	3.579.081
Vay từ các tổ chức tín dụng khác	16	22.000.000	1.861.735
Tiền gửi của khách hàng	17	394.225.240	388.367.878
Chứng chỉ tiền gửi	18	45.710	10.285.127
Nợ khác		39.884.667	69.001.993
<i>Phải trả khác</i>	19	34.040.555	65.082.378
<i>Các khoản lãi cộng dồn dự trả</i>		5.844.112	3.919.615
Vốn và các quỹ		89.613.065	65.777.406
<i>Vốn điều lệ</i>	20	70.000.000	50.000.000
<i>Các quỹ</i>	20.2	8.692.549	6.725.915
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	20	10.920.516	9.051.491
Tổng cộng nguồn vốn		<u>552.967.773</u>	<u>539.804.088</u>

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thư tín dụng chưa thanh toán	18.143.093	45.270.433
Các khoản cam kết tài trợ cho khách hàng	6.589.084	4.822.374
	<u>24.732.177</u>	<u>50.092.807</u>



Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009

Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất

Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03/TCTD
Đơn vị: USD

	Ghi chú	2008 USD	2007 USD
1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	53.826.362	32.676.228
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(34.592.155)	(16.740.219)
I. Thu nhập lãi thuần		19.234.207	15.936.009
1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		3.568.044	2.076.833
2. Chi phí hoạt động dịch vụ		(215.539)	(132.326)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		3.352.505	1.944.507
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	23	3.070.503	386.019
IV. (Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		(1.651.403)	813.199
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán		769.157	816.326
1. Thu từ hoạt động khác		152.557	105.753
2. Chi phí hoạt động khác		(67.281)	(200.677)
VI. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác		85.276	(94.924)
VII. Thu nhập cổ tức		213.849	161.083
VIII. Chi phí hoạt động		(8.444.436)	(5.991.553)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		16.629.658	13.970.666
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.027.975)	(891.760)
XI. Lợi nhuận trước thuế		15.601.683	13.078.906
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24	(3.133.863)	(2.615.781)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		12.467.820	10.463.125



Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009

Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất

Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 04/TCTD
Đơn vị: USD

	2008 <u>USD</u>	2007 <u>USD</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	15.601.683	13.078.906
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	1.020.120	675.459
Dự phòng rủi ro tín dụng, các khoản cam kết và thu tín dụng	2.563.745	668.077
Thu nhập lãi vay	(262.185)	(1.136.305)
Chi phí lãi vay	1.924.497	1.183.966
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(16.255)	(23.269)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	621.756	13.919
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	21.453.361	14.460.753
Tăng tiền gửi và cho vay với các tổ chức tín dụng khác	(3.897.108)	(3.102.892)
Giảm/(Tăng) kinh doanh chứng khoán	2.559.886	(3.256.076)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(31.790.336)	(72.062.988)
(Tăng)/Giảm các tài sản khác	(974.948)	571.462
Giảm tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(930.868)	(63.477)
Tăng /(Giảm) tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	23.758.275	(13.380.232)
Tăng tiền gửi của khách hàng	5.857.362	159.204.022
Giảm phát hành chứng chỉ tiền gửi	(10.239.417)	(25.602.676)
(Giảm)/Tăng nợ phải trả khác	(30.109.155)	59.288.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.312.948)	116.056.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.066.531)	(1.202.783)
Chi từ các quỹ	(132.161)	(128.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.511.640)	114.724.569
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(1.388.192)	(3.189.023)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	16.255	25.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.371.937)	(3.163.968)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Vốn góp	15.750.000	12.000.000
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.250.000)	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	11.500.000	9.000.000
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	(18.383.577)	120.560.601
Tiền và tương đương tiền đầu năm	167.057.542	46.496.941
Tiền và tương đương tiền cuối năm	148.673.965	167.057.542
Tiền mặt và các chứng từ có giá	8.951.216	6.903.982
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	78.931.021	52.139.985
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (kỳ hạn 3 tháng hoặc ít hơn)	60.791.728	108.013.575
	148.673.965	167.057.542

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Nghiệp vụ phi tiền tệ

Tiền thu từ nhận góp vốn không bao gồm số tiền 4.250.000 đô la Mỹ (năm 2007: 3.000.000 đô la Mỹ), là số lợi nhuận chia cho các chủ sở hữu đã được chuyển thành vốn góp trong năm nay. Sự chuyển đổi này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trong báo cáo trên.



Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009

Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất

Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng TNHH Indovina (gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức ngân hàng liên doanh với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm, theo Giấy phép Ngân hàng số 08/NH-GP ngày 29 tháng 10 năm 1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và các giấy phép điều chỉnh. Các chủ sở hữu của Ngân hàng là Vietinbank (trước đây là Ngân hàng Công Thương Việt Nam), thành lập tại Việt Nam, và Cathay United Bank, thành lập tại Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa.

Hoạt động chính

Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau, hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng, tiến hành các giao dịch ngoại hối, các dịch vụ hỗ trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; cung cấp các dịch vụ giao dịch giữa các khách hàng với nhau và các hoạt động ngân hàng khác khi Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Địa điểm và Hệ thống Ngân hàng

Trụ sở chính của Ngân hàng đóng tại 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một Hội sở, chín Chi nhánh và bốn Phòng Giao dịch có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác tại Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số nhân viên của Ngân hàng là 464 người (năm 2007: 393 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn ngày 12 tháng 7 năm 1999. Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Ngân hàng bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Điều hành quyết định như vậy.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Ngân hàng được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần.

3.4 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán. Chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá vốn. Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

3.6 Thu nhập lãi và chi phí lãi

Ngân hàng ghi nhận chi phí lãi vay và thu nhập cho vay trên cơ sở dồn tích. Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu trừ trường hợp khoản vay đó được xem là khó đòi. Những khoản vay được xem là khó đòi khi không có sự đảm bảo hợp lý về việc thu hồi một phần vốn gốc hay lãi của khoản vay đó. Lãi dự thu chưa được khách hàng thanh toán trong vòng 10 ngày thì được xem như khoản vay khó đòi trừ khi Ban Điều hành xác định chắc chắn thu hồi được nợ gốc và lãi vay. Khi một khoản vay được xem là khó đòi, bất cứ khoản tiền lãi nào từ khoản vay này đã được hạch toán trước đó nhưng chưa thu được được hạch toán vào chi phí.

3.7 Thu nhập phí và hoa hồng

Phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Phí hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực nhận.

3.8 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết và thư tín dụng

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết và thư tín dụng được trích lập dựa trên ước tính của Ban Điều hành cho các khoản cho vay, các khoản cam kết và thư tín dụng khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành. Các khoản dự phòng cụ thể được ghi nhận cho từng khoản cho vay theo một tỷ lệ nhất định phù hợp với Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Dự phòng chung cho các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết và thư tín dụng được Ngân hàng trích lập theo tỷ lệ 0,56% (năm 2007: 0,515%) trên giá trị thuần của các khoản đó. Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết và thư tín dụng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết và thư tín dụng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản nợ đã xóa trong năm, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa trong các năm trước và chi phí dự phòng năm nay.

3.9 Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày theo giá trị phân bổ. Giá trị phụ trội hoặc chiết khấu do mua chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian đầu tư.

3.10 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến hai mươi năm.

3.11 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng một số lô đất tại Hà Nội, Bình Dương và Đồng Nai. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho giai đoạn từ ngày Ngân hàng có được quyền sử dụng đất cho đến khi Giấy phép Ngân hàng hết hiệu lực.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ năm đến tám năm.

3.12 Các cam kết tài chính ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện các nghiệp vụ cam kết tài chính ngoài bảng cân đối kế toán để gia hạn các khoản tiền gửi, cam kết dưới hình thức tín dụng thư thương mại, cam kết giao dịch hối đoái, các khoản bảo lãnh xuất nhập khẩu. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

3.13 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu

3.14 Thuê tài sản

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN MẶT VÀ CHỨNG TỪ CÓ GIÁ

	31/12/2008 <u>USD</u>	31/12/2007 <u>USD</u>
Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam	6.209.560	5.218.405
Tiền mặt bằng các loại tiền tệ khác	2.741.355	1.678.877
Chứng từ có giá	301	6.700
	<u>8.951.216</u>	<u>6.903.982</u>

Chứng từ có giá là các séc du lịch gửi nhờ thu tại các ngân hàng nước ngoài.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Tiền gửi không kỳ hạn	57.803.541	16.042.194
Dự trữ bắt buộc	21.127.480	36.097.791
	78.931.021	52.139.985

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản dự trữ bắt buộc phù hợp với các điều khoản của Quyết định số 2951/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 12 năm 2008 và Quyết định số 796/2004/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2004 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Số dư dự trữ bắt buộc được điều chỉnh một lần mỗi tháng và được lần lượt tính ở mức 6% (năm 2007: 5%) tiền gửi bình quân của khách hàng bằng đồng Việt Nam cho tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và 2% (năm 2007: 2%) tiền gửi bình quân của khách hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn nhiều hơn một năm. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ không bao gồm tiền gửi có kỳ hạn hơn hai năm, một khoản dự trữ bắt buộc bằng đô la Mỹ cũng được yêu cầu thực hiện, được tính cùng một công thức với tỷ lệ 7% (năm 2007: 8%) cho tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn thấp hơn một năm và 3% (năm 2007: 2%) cho tiền gửi có kỳ hạn nhiều hơn một năm.

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm số tiền vốn góp 30.000.000 đô la Mỹ của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Số tiền này được chuyển sang tài khoản vốn góp tại ngày 2 tháng 1 năm 2009 (xem ghi chú số 29)

6. TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng đồng Việt Nam	1.562.403	2.490.315
Bằng ngoại tệ	16.158.294	8.822.652
	17.720.697	11.312.967
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng đồng Việt Nam (từ một đến ba tháng)	13.371.031	54.300.608
Bằng đồng Việt Nam (trên ba tháng)	-	3.102.892
Bằng ngoại tệ khác	29.700.000	-
Bằng ngoại tệ khác (từ một đến ba tháng)	7.000.000	42.400.000
	50.071.031	99.803.500
	67.791.728	111.116.467

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	4.796.221	5.053.087
	4.796.221	5.053.087
Trừ: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.651.403	-
	3.144.818	5.053.087

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Phân loại theo đã niêm yết và chưa niêm yết:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	2.560.844	2.697.992
Chưa niêm yết	2.235.377	2.355.095
	<u>4.796.221</u>	<u>5.053.087</u>

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay chủ yếu được bảo đảm bằng nhà cửa, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, tiền gửi và thư bảo lãnh. Các khoản cho vay bằng đô la Mỹ có lãi suất từ 3,09% đến 9,50% hàng năm và cho vay bằng đồng Việt Nam có lãi suất từ 8,80% đến 21,00% hàng năm. Các khoản cho vay được phân tích như sau:

8.1 Phân tích theo thời gian

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay ngắn hạn (trong vòng một năm)	179.562.444	180.773.102
Vay trung hạn (từ một đến năm năm)	76.719.035	89.967.392
Vay dài hạn (trên năm năm)	122.743.993	76.494.642
	<u>379.025.472</u>	<u>347.235.136</u>

8.2 Phân tích theo tiền tệ

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay bằng đồng Việt Nam	201.011.763	169.419.880
Vay bằng ngoại tệ	178.013.709	177.815.256
	<u>379.025.472</u>	<u>347.235.136</u>

8.3 Phân tích theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh nghiệp nhà nước	90.123.053	61.541.000
Doanh nghiệp tư nhân	153.516.065	119.586.000
Liên doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	99.185.674	126.383.000
Khác	36.200.680	39.725.136
	<u>379.025.472</u>	<u>347.235.136</u>

8.4 Phân tích theo chất lượng nợ vay

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	367.224.007	345.589.000
Nợ cần chú ý	10.126.572	1.564.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	920.807	7.000
Nợ nghi ngờ	99.797	39.000
Nợ có khả năng mất vốn	654.289	36.136
	<u>379.025.472</u>	<u>347.235.136</u>



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Dự phòng cụ thể	639.105	82.228
Dự phòng chung	2.118.742	1.763.277
	<u>2.757.847</u>	<u>1.845.505</u>

a. Dự phòng cụ thể

	2008	2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 1 tháng 1	82.228	238.785
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	672.511	67.127
Trừ: Các khoản đã dự phòng các năm trước thu được trong năm	(115.634)	(72.776)
Xóa các khoản vay quá hạn	-	(150.908)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>639.105</u>	<u>82.228</u>

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được tính dựa trên giá trị thuần của các khoản đó. Giá trị thuần được tính theo một tỷ lệ cho từng loại chất lượng nợ vay như quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp.

Các khoản cho vay được xóa nợ sau khi Ban quản lý rủi ro của Ngân hàng xét thấy rằng mọi nỗ lực hợp lý để thu hồi nợ, kể cả các hành động pháp lý đều không có hiệu quả

b. Dự phòng chung

	2008	2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 1 tháng 1	1.763.277	1.088.748
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	355.465	674.529
Tại ngày 31 tháng 12	<u>2.118.742</u>	<u>1.763.277</u>

Dự phòng chung được tính với tỷ lệ 0,56% (năm 2007: 0,515%) trên tổng số cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, không bao gồm tổng số dư nợ cho vay được trình bày như khoản nợ có khả năng mất vốn theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN.

9. CHỨNG KHOÁN NỢ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán thể hiện chứng khoán chính phủ có kỳ hạn giữa một năm và năm năm, lãi suất được hưởng 8,52% đến 8,60%/năm (năm 2007: 8,00% đến 8,60%/năm).

	31/12/2008		
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%)</i>
	<u>USD</u>		
Trái phiếu đô thị	2.089.209	30/7/2009	8,52
Trái phiếu chính phủ	4.724.038	Từ 14/9/2009 đến 19/8/2010	8,52 - 8,60
	<u>6.813.247</u>		



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	31/12/2007		
	<i>Giá trị ghi số</i> USD	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%)</i>
Trái phiếu đô thị	2.201.098	30/7/2009	8,52
Trái phiếu giáo dục	9.309	Từ 8/5/2008 đến 6/5/2010	8,00
Trái phiếu chính phủ	7.527.616	Từ 7/6/2008 đến 19/8/2010	8,30 - 8,60
	9.738.023		

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và chi phí cải tạo văn phòng USD	Thiết bị và đồ dùng văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2008	2.909.157	3.059.001	1.036.093	7.004.251
Tăng	19.073	414.530	368.103	801.706
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(82.993)	72.154	-	(10.839)
Thanh lý	-	(27.303)	(104.738)	(132.041)
Tại ngày 31/12/2008	2.845.237	3.518.382	1.299.458	7.663.077
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2008	303.457	875.559	513.778	1.692.794
Khấu hao trong năm	154.622	524.437	161.984	841.043
Giảm do thanh lý	-	(27.303)	(104.738)	(132.041)
Tại ngày 31/12/2008	458.079	1.372.693	571.024	2.401.796
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2008	2.387.158	2.145.689	728.434	5.261.281
Tại ngày 31/12/2007	2.605.700	2.183.442	522.315	5.311.457

Tài sản cố định hữu hình của Ngân hàng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 686.531 đô la Mỹ (năm 2007: 616.842 đô la Mỹ).

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm vi tính USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	604.314	1.260.340	1.864.654
Tăng	-	41.188	41.188
Tại ngày 31/12/2008	<u>604.314</u>	<u>1.301.528</u>	<u>1.905.842</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	100.095	293.038	393.133
Khấu hao trong năm	21.449	157.628	179.077
Tại ngày 31/12/2008	<u>121.544</u>	<u>450.666</u>	<u>572.210</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	<u>482.770</u>	<u>850.862</u>	<u>1.333.632</u>
Tại ngày 31/12/2007	<u>504.219</u>	<u>967.302</u>	<u>1.471.521</u>

Phần mềm vi tính của Ngân hàng bao gồm phần mềm vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 82.420 đô la Mỹ (năm 2007: 82.420 đô la Mỹ).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	2008 USD	2007 USD
Tại ngày 1 tháng 1	124.838	1.532.351
Tăng	545.298	341.507
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.485.046)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(113.073)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	(150.901)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>670.136</u>	<u>124.838</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Chi phí trả trước	469.142	293.992
Các khoản phải thu khác	999.958	189.321
	<u>1.469.100</u>	<u>483.313</u>

14. VAY TỪ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 USD	31/12/2007 USD
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	-	930.868
	<u>-</u>	<u>930.868</u>



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,20%/tháng (năm 2007: 0,18%)	6.851.108	3.370.780
Bằng ngoại tệ, lãi suất 0,50%/năm (năm 2007: 0,50%)	347.983	208.301
	<u>7.199.091</u>	<u>3.579.081</u>

16. VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Bằng đồng Việt Nam	-	1.861.735
Bằng ngoại tệ	22.000.000	-
	<u>22.000.000</u>	<u>1.861.735</u>

Số tiền vay thể hiện các khoản vay không thể chấp từ các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn giữa một tuần và sáu tháng, chịu lãi suất 3,50% đến 28,50%/năm (năm 2007: 4,92% đến 6,07%) đối với đồng Việt Nam và 2,20% đến 6,00%/năm (năm 2007: 6,00% đến 7,00%) đối với ngoại tệ bằng đô la Mỹ. Tất cả những khoản vay từ các tổ chức tín dụng khác đều không có thế chấp.

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Bằng đồng Việt Nam		
Tiền gửi không kỳ hạn	78.607.840	94.898.137
Tiền gửi có kỳ hạn	180.429.144	197.350.166
Tiền gửi ký quỹ	294.428	645.725
Tiền gửi vốn chuyên dùng	587.793	1.313.072
	<u>259.919.205</u>	<u>294.207.100</u>
Bằng ngoại tệ		
Tiền gửi không kỳ hạn	40.355.360	38.127.616
Tiền gửi có kỳ hạn	89.699.146	49.373.294
Tiền gửi ký quỹ	959.001	3.502.045
Tiền gửi vốn chuyên dùng	3.292.528	3.157.823
	<u>134.306.035</u>	<u>94.160.778</u>
	<u>394.225.240</u>	<u>388.367.878</u>

18. CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn bằng ngoại tệ	45.710	10.285.127
	<u>45.710</u>	<u>10.285.127</u>



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	USD	USD
Giữ hộ khách hàng	112.192	60.936.738
Dự phòng chi trả trợ cấp mất việc làm	417.412	417.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	482.652	1.415.320
Vốn góp giữ tại Ngân hàng nhà nước (xem ghi chú số 5)	30.000.000	-
Các khoản phải trả khác	3.028.299	2.312.908
	<u>34.040.555</u>	<u>65.082.378</u>

Các khoản giữ hộ khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm số tiền 60.000.000 đô la Mỹ từ Cathay Life Insurance Company Limited, một bên liên quan của chủ sở hữu nước ngoài (xem Ghi chú số 28). Khoản giữ hộ này chịu lãi suất 4%/năm và đã được hoàn trả toàn bộ vào ngày 14 tháng 1 năm 2008.

20. VỐN VÀ CÁC QUỸ

20.1 VỐN

	Vốn điều lệ	Các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	USD	USD	USD	USD
Số dư tại ngày 1/1/2007	35.000.000	5.094.634	6.348.519	46.443.153
Vốn góp	15.000.000	-	-	15.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.463.125	10.463.125
Trích quỹ	-	1.760.153	(1.760.153)	-
Các khoản chi trực tiếp từ quỹ	-	(128.872)	-	(128.872)
Chia lợi nhuận	-	-	(6.000.000)	(6.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2007	50.000.000	6.725.915	9.051.491	65.777.406
Vốn góp	20.000.000	-	-	20.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	12.467.820	12.467.820
Trích quỹ	-	2.098.795	(2.098.795)	-
Các khoản chi trực tiếp từ quỹ	-	(132.161)	-	(132.161)
Chia lợi nhuận	-	-	(8.500.000)	(8.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2008	70.000.000	8.692.549	10.920.516	89.613.065

Trong cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 2 năm 2008, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã quyết định chia lợi nhuận với số tiền là 8.500.000 đô la Mỹ từ lợi nhuận của năm 2007 (năm 2007: 6.000.000 đô la Mỹ). Khoản lợi nhuận này được chia cho các bên của liên doanh theo tỉ lệ vốn góp là 50/50. Hiện tại khoản lợi nhuận với số tiền 4.250.000 đô la Mỹ đã được chuyển sang phần vốn góp của các chủ sở hữu (năm 2007: không) và phần còn lại đã được trả cho chủ sở hữu.

Vốn điều lệ của Ngân hàng là 70.000.000 đô la Mỹ. Cơ cấu vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Theo Giấy phép Đầu tư			Vốn đã góp	
	31/12/2008	31/12/2007	%	31/12/2008	31/12/2007
	USD	USD	%	USD	USD
Vietinbank	35.000.000	25.000.000	50	35.000.000	25.000.000
Cathay United Bank	35.000.000	25.000.000	50	35.000.000	25.000.000
	<u>70.000.000</u>	<u>50.000.000</u>	<u>100</u>	<u>70.000.000</u>	<u>50.000.000</u>

Tại ngày 17 tháng 9 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng đã tăng lên từ 50.000.000 đô la Mỹ đến 70.000.000 đô la Mỹ theo Công văn chấp thuận số 5807/NHNN-CNH ngày 26 tháng 6 năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại ngày 2 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng đã được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên từ 70.000.000 đô la Mỹ đến 100.000.000 đô la Mỹ theo Công văn chấp thuận số 10560/NHNN-CNH do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Phần vốn tăng thêm đã được các bên liên doanh góp theo tỷ lệ 50/50 vào ngày 2 tháng 1 năm 2009 (xem Ghi chú số 29)

20.2 CÁC QUỸ

Số dư của các quỹ không được phân phối lợi nhuận như sau:

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Quỹ phát triển kinh doanh USD	Quỹ khen thưởng USD	Tổng USD
Số dư tại ngày 1/1/2007	1.719.851	3.325.631	42.140	7.012	5.094.634
Trích lập quỹ	523.156	993.997	67.240	175.760	1.760.153
Các khoản chi trực tiếp từ quỹ	-	-	-	(128.872)	(128.872)
Số dư tại ngày 31/12/2007	2.243.007	4.319.628	109.380	53.900	6.725.915
Trích lập quỹ	624.067	1.185.728	40.000	249.000	2.098.795
Các khoản chi trực tiếp từ quỹ	-	-	-	(132.161)	(132.161)
Số dư tại ngày 31/12/2008	2.867.074	5.505.356	149.380	170.739	8.692.549

Các quỹ của Ngân hàng được trích lập phù hợp với Ngân hàng Nhà nước như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bằng 5% thu nhập sau thuế hàng năm nhưng không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% thu nhập sau thuế hàng năm sau khi đã lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, trừ các khoản lỗ của các năm trước và các khoản chi phí không được khấu trừ khác. Số dư quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ.
- Quỹ khen thưởng và phát triển kinh doanh được trích lập dựa trên quyết định của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2008 USD	2007 USD
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	48.645.099	30.107.146
Thu nhập lãi tiền gửi	5.181.263	2.568.977
Thu khác từ hoạt động tín dụng	-	105
	53.826.362	32.676.228

22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2008 USD	2007 USD
Trả lãi tiền gửi	28.316.695	14.697.315
Trả lãi tiền vay	5.925.784	1.143.123
Trả lãi phát hành chứng chỉ tiền gửi	150.333	870.987
Chi phí hoạt động tín dụng khác	199.343	28.794
	34.592.155	16.740.219



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2008	2007
	USD	USD
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.138.134	99.474
(Lỗ)/Lãi thuần từ nghiệp vụ đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	(67.631)	286.545
	<u>3.070.503</u>	<u>386.019</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2008	2007
	USD	USD
Lợi nhuận trước thuế	15.601.682	13.078.906
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các chi phí không được khấu trừ	67.631	-
Thu nhập chịu thuế	15.669.313	13.078.906
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.133.863</u>	<u>2.615.781</u>

Ngân hàng không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

25. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Ngân hàng chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ đối với các khoản tiền gửi và các khoản vay của khách hàng bằng ngoại tệ khác với đô la Mỹ.

Ngân hàng cũng chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ đối với các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và giao dịch hoán đổi ngoại tệ phát sinh bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ngân hàng không ký kết các giao dịch phòng ngừa rủi ro do không có thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích của việc quản lý rủi ro thanh khoản là nhằm đảm bảo duy trì nguồn vốn thanh toán các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Quản lý tính thanh khoản đảm bảo khoản công nợ đến hạn vượt quá tài sản đến hạn trong kỳ được giới hạn trong phạm vi hợp lý mà Ngân hàng tin tưởng có thể bù đắp bằng các khoản thu trong kỳ đó. Trong việc quản lý rủi ro thanh khoản, Ngân hàng tập trung vào một số yếu tố bao gồm việc huy động các nguồn vốn thanh toán, dự phòng các nguồn quỹ cần thiết với chi phí hợp lý và duy trì các kế hoạch đối phó.

Ban Quản lý tài sản và công nợ của Ngân hàng chịu trách nhiệm chung quản lý rủi ro thanh khoản. Chính sách thanh khoản của Ngân hàng tập trung quản lý dòng tiền, khả năng huy động vốn liên ngân hàng và duy trì đầy đủ tài sản thanh toán. Phòng quản lý kinh doanh tiền tệ có trách nhiệm quản lý và giám sát hoạt động hàng ngày. Công cụ chính cho việc giám sát tính thanh khoản bao gồm xác định mức thanh khoản, phân tích các tình huống giả định về biến động lãi suất và các kế hoạch đối phó. Ngân hàng quản lý rủi ro thanh khoản cho toàn bộ tài sản và công nợ cho mọi tình huống xấu có thể xảy ra.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính chủ yếu của Ngân hàng bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi tín dụng, các khoản cho vay và các khoản đầu tư.

Rủi ro tín dụng liên quan đến các nguồn quỹ thanh toán và công cụ tài chính phái sinh không đáng kể do các bên đối tác là các ngân hàng được đánh giá cao về khả năng thanh toán.

Rủi ro tín dụng của Ngân hàng chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay khách hàng. Số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán là giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản dự phòng cho nợ khó đòi. Dự phòng được lập khi xác định các sự kiện có thể làm giảm khả năng thu hồi khoản nợ dựa trên kinh nghiệm tích lũy qua các năm.

Ngân hàng không có rủi ro tín dụng tập trung mà phân tán cho số lượng lớn các đối tác và khách hàng.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2008	2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>440.543</u>	<u>232.113</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ngân hàng có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	937.901	321.999
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.273.616	653.519
Sau năm năm	<u>386.892</u>	<u>485.419</u>
	<u>4.598.409</u>	<u>1.460.937</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động chủ yếu thể hiện khoản tiền thuê một số văn phòng của Ngân hàng. Các hợp đồng thuê này được thương lượng cho khoảng thời gian từ 2 đến 10 năm. Chi phí thuê được giữ cố định trong suốt thời gian thuê.

27. CAM KẾT VỐN

Trong kỳ, Ngân hàng đã ký các hợp đồng cải tạo và trang trí nội thất cho văn phòng mới với trị giá là 670.308 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị hợp đồng còn lại sẽ được hoàn thành trong năm sau là 227.483 đô la Mỹ.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

28. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có các khoản tiền gửi và các giao dịch khác với các bên liên quan: Vietinbank (trước đây là Ngân hàng Công thương Việt Nam), Cathay United Bank (CUB), Cathay - Chi nhánh Chu Lai (CCB) và Văn phòng Đại diện Cathay. Các nghiệp vụ này được thực hiện theo các điều khoản giống như với các cá nhân và tổ chức có cùng mức độ rủi ro. Các nghiệp vụ này và các số dư liên quan thể hiện tại các tài khoản khác nhau trên báo cáo tài chính. Sau đây là các số dư của các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các giao dịch giữa Ngân hàng và các bên liên quan trong năm.

Sau đây là nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm và số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Khoản mục</u>	2008	2007
			<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vietinbank	Chủ sở hữu Việt Nam	Vay	172.903.089	16.427.996
		Cho Vietinbank vay	348.341.106	-
		Thu từ lãi	442.309	1.154
		Chi phí lãi vay	2.791.005	38.281
		Lợi nhuận được chia	4.250.000	3.000.000
		Lợi nhuận đã trả	4.250.000	3.000.000
		Vốn góp	10.000.000	7.500.000
CUB	Chủ sở hữu nước ngoài	Vay	295.990.000	-
		Chi phí lãi vay	1.727.151	-
		Thu từ lãi	134.552	-
		Thu tiền thuê	8.419	10.117
		Lợi nhuận được chia	4.250.000	3.000.000
		Vốn góp	5.750.000	4.500.000
		Cho CUB vay	22.000.000	-
		Lợi nhuận được chia chuyển sang góp vốn điều lệ	4.250.000	3.000.000
CCB	Chi nhánh của công đồng nước ngoài	Vay	142.006.697	27.165.055
		Cho CCB vay	58.660.346	60.780.377
		Chi phí lãi vay	239.380	78.518
		Thu từ lãi	25.805	43.812
CUB - Văn phòng Đại diện	Văn phòng Đại diện CUB	Chi phí lãi vay	184	57
Ban Điều hành		Thu nhập	232.240	227.618



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Khoản mục</u>	31/12/2008	31/12/2007
			<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vietinbank	Chủ sở hữu Việt Nam	Tiền gửi tại ICBV	212.646	352.505
		Tiền gửi của ICBV	<u>21.425</u>	<u>14.589</u>
CUB	Chủ sở hữu nước ngoài	Tiền gửi tại CUB	873.622	398.758
		Vay	22.000.000	-
		Cho CCB vay	<u>7.000.000</u>	<u>-</u>
CCB	Chi nhánh của cổ đông nước ngoài	Cho CCB vay	-	13.000.000
		Tiền gửi tại CCB	<u>1.132.549</u>	<u>114.271</u>
CUB - Văn phòng Đại diện	Văn phòng Đại diện của CUB	Tiền gửi của Văn phòng Đại diện CUB	<u>63.420</u>	<u>51.690</u>
Cathay Life Insurance Company Limited	Bên liên quan của chủ sở hữu nước ngoài	Nhận giữ hộ khách hàng	<u>-</u>	<u>60.000.000</u>

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 ngoại trừ việc Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ lên từ 70.000.000 đô la Mỹ đến 100.000.000 đô la Mỹ vào ngày 2 tháng 1 năm 2009 theo Công văn chấp thuận số 10560/NHNN-CNH do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2008.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

31. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính này được phê duyệt bởi Ban Điều hành và được phép phát hành vào ngày 9 tháng 1 năm 2009.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	MẪU B 02/TCTD	
	Đơn vị: Triệu đồng	
	31/12/2008	31/12/2007
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
<u>Tài sản</u>		
Tiền mặt và chứng từ có giá	151,965	117.209
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1,340,012	885.181
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	1,150,900	1.886.424
Chứng khoán kinh doanh	53,389	85.786
Cho vay khách hàng	6,387,895	5.863.680
<i>Cho vay khách hàng</i>	6,434,715	5.895.011
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	(46,820)	(31.331)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	115,668	165.322
Tài sản cố định hữu hình	89,321	90.172
Tài sản cố định vô hình	22,641	24.982
Tài sản khác	75,942	45.496
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	11,377	2.119
<i>Các khoản phải thu khác và chi phí trả trước</i>	24,941	8.205
<i>Các khoản lãi cộng dồn dự thu</i>	44,304	39.852
<i>Các khoản dự phòng khác</i>	(4,680)	(4.680)
Tổng cộng tài sản	<u>9,387,733</u>	<u>9.164.252</u>
<u>Nguồn vốn</u>		
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	15.803
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	122,219	60.762
Vay từ các tổ chức tín dụng khác	373,494	31.607
Tiền gửi của khách hàng	6,692,762	6.593.321
Chứng chỉ tiền gửi	776	174.611
Nợ khác	677,121	1.171.445
<i>Phải trả khác</i>	577,906	1.104.902
<i>Các khoản lãi cộng dồn dự trả</i>	99,215	66.543
Vốn và các quỹ	1,521,361	1.116.703
<i>Vốn điều lệ</i>	1,188,390	848.850
<i>Các quỹ</i>	147,573	114.186
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	185,398	153.667
Tổng cộng nguồn vốn	<u>9,387,733</u>	<u>9.164.252</u>

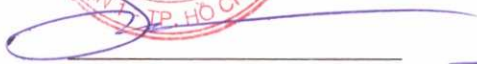
Ghi chú:


Ban Điều hành Ngân hàng đã chuyển đổi báo cáo tài chính sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ là 16.977 đồng Việt Nam/1 đô la Mỹ


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>Triệu đồng</u>	<u>Triệu đồng</u>
Thư tín dụng chưa thanh toán	111.863	81.869
Các khoản cam kết tài trợ cho khách hàng	308.015	768.556
	<u>419.878</u>	<u>850.425</u>




Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009


Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất


Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng



Ghi chú:

Ban Điều hành Ngân hàng đã chuyển đổi báo cáo tài chính sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ là 16.977 đồng Việt Nam/1 đô la Mỹ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03/TCTD
Đơn vị: Triệu đồng

	2008 <u>Triệu đồng</u>	2007 <u>Triệu đồng</u>
1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	913,810	554,744
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	<u>(587,271)</u>	<u>(284,199)</u>
I. Thu nhập lãi thuần	326,539	270,545
1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60,575	35,258
2. Chi phí hoạt động dịch vụ	<u>(3,659)</u>	<u>(2,246)</u>
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	56,916	33,012
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	52,128	6,553
IV. (Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(28,036)	13,806
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	13,058	13,859
1. Thu từ hoạt động khác	2,590	1,795
2. Chi phí hoạt động khác	<u>(1,142)</u>	<u>(3,407)</u>
VI. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1,448	(1,612)
VII. Thu nhập cổ tức	3,631	2,735
VIII. Chi phí hoạt động	(143,361)	(101,719)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	282,323	237,179
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(17,452)	(15,139)
XI. Lợi nhuận trước thuế	264,871	222,040
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(53,204)	(44,408)
XIII. Lợi nhuận sau thuế	211,667	177,632



Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009

Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất

Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng

Ghi chú:

Ban Điều hành Ngân hàng đã chuyển đổi báo cáo tài chính sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ là 16.977 đồng Việt Nam/1 đô la Mỹ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 04/TCTD

Đơn vị: Triệu đồng

	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	264,871	222,040
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	17,319	11,467
Dự phòng rủi ro tín dụng, các khoản cam kết và thu tín dụng	43,525	11,342
Thu nhập lãi vay	(4,451)	(19,291)
Chi phí lãi vay	32,672	20,100
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(276)	(395)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	10,556	236
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	364,216	245,499
Tăng tiền gửi và cho vay với các tổ chức tín dụng khác	(66,161)	(52,678)
Giảm/(Tăng) kinh doanh chứng khoán	43,459	(55,278)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(539,705)	(1,223,413)
(Tăng)/Giảm các tài sản khác	(16,552)	9,702
Giảm tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(15,803)	(1,078)
Tăng /(Giảm) tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	403,344	(227,156)
Tăng tiền gửi của khách hàng	99,440	2,702,807
Giảm phát hành chứng chỉ tiền gửi	(173,835)	(434,657)
(Giảm)/Tăng nợ phải trả khác	(511,163)	1,006,538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(412,760)	1,970,286
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(69,037)	(20,420)
Chi từ các quỹ	(2,244)	(2,188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(484,041)	1,947,678
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(23,567)	(54,140)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	276	425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(23,291)	(53,715)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Vốn góp	267,388	203,724
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(72,152)	(50,931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	195,236	152,793
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	(312,096)	2,046,756
Tiền và tương đương tiền đầu năm	2,836,136	789,379
Tiền và tương đương tiền cuối năm	2,524,038	2,836,136
Tiền mặt và các chứng từ có giá	151,965	117,209
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1,340,012	885,181
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (kỳ hạn 3 tháng hoặc ít hơn)	1,032,061	1,833,746
	2,524,038	2,836,136

Ghi chú:

27


Ban Điều hành Ngân hàng đã chuyển đổi báo cáo tài chính sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ là 16.977 đồng Việt Nam/1 đô la Mỹ



Nghiệp vụ phi tiền tệ

Tiền thu từ nhận góp vốn không bao gồm số tiền 72,152 triệu đồng (năm 2007: 50.931 triệu đồng), là số lợi nhuận chia cho các chủ sở hữu đã được chuyển thành vốn góp trong năm nay. Sự chuyển đổi này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày trong báo cáo trên.




Yei-Fong Jan
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 1 năm 2009


Lê Văn Phú
Phó Tổng Giám đốc Thứ nhất


Trần Lệ Thủy
Kế toán trưởng



Ghi chú:

Ban Điều hành Ngân hàng đã chuyển đổi báo cáo tài chính sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ là 16.977 đồng Việt Nam/1 đô la Mỹ

Văn phòng Hà Nội

8-Phạm Ngọc Thạch
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143

Văn phòng Tp.Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84-8 3 910 0751
Fax: +84-8 3 910 0750

Văn phòng Hải Phòng

99 Bạch Đằng
Quận Hồng Bàng
Tp. Hải Phòng, Việt Nam
Tel : +84-31 366 9133
Fax: +84-31 366 9414